

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 386/2023/DS-ST
Ngày 29-9-2023
Vv tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Trường;

Ông Huỳnh Văn Tới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Cẩm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 448/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q; địa chỉ: Số A L, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đinh Thanh T; địa chỉ: Công ty M Chi nhánh T, tầng 3, toà nhà số G V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1350 ngày 26 tháng 9 năm 2023); có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Lâm Hoàng V, sinh năm: 1986; địa chỉ: Ấp L, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

2. Bà Sơn Thị Mộng T1, sinh năm: 1992; địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện T; địa chỉ: Khóm I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà

Mau.

Người đại diện hợp pháp của UBND huyện T: Ông Trần Tấn C; địa chỉ: Khóm I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau; là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch UBND huyện); có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bà Danh Thị Á, sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp L, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

3. Bà Lâm Thị Hồng C1, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp L, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

4. Ông Sơn Xi H, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp N, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

5. Bà Huỳnh Hồng L, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp N, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 3 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đinh Thanh T trình bày: Ngày 02 tháng 6 năm 2015 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q và vợ chồng ông Lâm Hoàng V, bà Sơn Thị Mộng T1 ký kết hợp đồng tín dụng số 250.15.751.2368025.TD để vay 450.000.000 đồng, thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, là từ ngày 02 tháng 6 năm 2015 đến ngày 02 năm 6 năm 2019, lãi suất là 8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Kèm hợp đồng tín dụng có giấy Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LD1515387450 ngày 02 tháng 6 năm 2015. Tổng cộng dư nợ của hợp đồng tín dụng trên còn dư nợ đến ngày 15 tháng 3 năm 2020 sau khi đối trừ số tiền đã trả là 148.978.973 đồng thì vợ chồng ông V, bà T1 còn nợ là 521.474.757 đồng.

Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng trên, vợ chồng ông Lâm Hoàng V, bà Sơn Thị Mộng T1, ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 182.15.751.2368025.ĐB ngày 02 tháng 6 năm 2015 thế chấp quyền sử dụng các thửa đất số 0013, 0014, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp L, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: L 988363, do UBND huyện T cấp ngày 16 tháng 5 năm 1998 chính lý cho ông Lâm Hoàng V ngày 12 tháng 5 năm 2015. hợp đồng thế chấp được đăng ký hợp lệ.

Tính đến ngày 29 tháng 9 năm 2023, vợ chồng ông Lâm Hoàng V, bà Sơn Thị Mộng T1 còn nợ của Ngân hàng tổng số tiền 732.377.425 đồng, trong đó nợ gốc 313.186.578 đồng, nợ lãi 419.190.847 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu vợ chồng ông V, bà T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông bà cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không phối hợp xử lý tài sản bảo đảm.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Lâm Hoàng V, bà Sơn Thị Mộng T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền như đã nêu trên. Nếu vợ chồng ông Lâm Hoàng V, bà Sơn Thị Mộng T1 không thực hiện

hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 182.15.751.2368025.ĐB ngày 02 tháng 6 năm 2015 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Danh Thị Á trình bày: Bà xác định việc vợ chồng ông V, bà T1 vay nợ ngân hàng như nguyên đơn yêu cầu. Đây là khoản nợ của vợ chồng ông V, bà T1 không liên quan đến bà. Tuy nhiên, do vợ chồng ông V, bà T1 có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất hiện đang đứng tên ông V, bà là người trực tiếp canh tác trên đất. Đối với khoản vay trên của vợ chồng ông V, bà T1, bà thống nhất, yêu cầu được thanh toán dần cho phía ngân hàng, yêu cầu được tiếp tục canh tác trên đất để tạo thu nhập thanh toán nợ cho vợ chồng ông V, bà T1.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Hồng C1 trình bày: Xác định việc vợ chồng ông V, bà T1 có vay tiền ngân hàng và thế chấp tài sản như ngân hàng trình bày. Hiện nay bà và bà Á đang sinh sống và trực tiếp canh tác trên phần đất thế chấp. Thống nhất khoản vay của vợ chồng ông V, bà T1, yêu cầu được tạo điều kiện cho bà và bà Á có điều kiện tiếp tục canh tác đất để thanh toán dần khoản nợ trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa từ khi thụ lý, đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q cho vợ chồng ông Lâm Hoàng V, bà Sơn Thị Mộng T1 vay tiền phục vụ nhu cầu hộ gia đình. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp dân sự mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vợ chồng ông V, bà T1 cư trú tại xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ các thông báo và quyết định tố tụng nhưng vợ chồng ông Lâm Hoàng V, bà Sơn Thị Mộng T1 cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sơn Xi H, Huỳnh Hồng L vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[3] Xét yêu cầu trả nợ của Ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận định: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý cho vợ chồng ông Lâm Hoàng V, bà Sơn Thị Mộng T1 cũng như triệu tập đến Tòa để giải quyết vụ án. Tuy nhiên vợ chồng ông Lâm Hoàng V, bà Sơn Thị Mộng T1 không có mặt cũng không cung cấp văn bản ý kiến của mình về nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào lời khai của Ngân hàng cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Mặc dù không có sự thừa nhận của vợ chồng ông Lâm Hoàng V, bà Sơn Thị Mộng T1 nhưng thông qua hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp có chữ ký của ông Lâm Hoàng V, bà Sơn Thị Mộng T1 cũng như lời khai của bà Danh Thị Á, bà Lâm Thị Hồng C1 thì chứng tỏ vợ chồng ông Lâm Hoàng V, bà Sơn Thị Mộng T1 có vay tiền tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

[4] Xét yêu cầu trả nợ của Ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ hợp đồng tín dụng số 250.15.751.2368025.TD ngày 02 tháng 6 năm 2015, vợ chồng ông V, bà T1 có vay 450.000.000 đồng của N thành TMCP Q; thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, là từ ngày 02 tháng 6 năm 2015 đến ngày 02 tháng 6 năm 2019; lãi suất 8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Kèm hợp đồng tín dụng có giấy Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LD1515387450 ngày 02/6/2015. Tổng cộng dư nợ của hợp đồng tín dụng trên còn dư nợ đến ngày 29 tháng 9 năm 2023 sau khi đối trừ số tiền đã trả là 148.978.973 đồng thì ông V bà T1 còn nợ là 732.377.425 đồng, trong đó nợ gốc 313.186.578 đồng, nợ lãi 419.190.847 đồng. Do vợ chồng ông V, bà T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử nhận định cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q, buộc vợ chồng ông V, bà T1 phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi nêu trên.

[5] Để bảo đảm cho khoản vay, vợ chồng ông V có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 182.15.751.2368025.ĐB ngày 02 tháng 6 năm 2015 thế chấp quyền sử dụng các thửa đất số 0013, 0014, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp L, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 988363, do UBND huyện T cấp ngày 16 tháng 5 năm 1998, chính lý cho ông Lâm Hoàng V ngày 12 tháng 5 năm 2015. Hội đồng xét xử thấy rằng, ông V đã được chính lý biến động sang tên cho ông V vào ngày 12 tháng 5 năm 2015 nên về mặt pháp luật, ông V đang là chủ sử dụng đất. Theo bà Danh Thị Á, nguồn gốc thửa đất này là của bà nhưng không hiểu vì lý do gì mà ông V lại được sang tên nhưng bà không có yêu cầu, tranh chấp gì về hợp đồng tặng cho, do đó không đủ cơ sở để chứng minh việc tặng cho vô hiệu. Ông V là chủ sử dụng đất nên có đầy đủ các quyền quy định tại Điều 167 của Luật đất đai, bao gồm quyền thế chấp quyền sử dụng đất. Việc thế chấp được chính lý biến động hợp lệ. Áp dụng các Điều 298, 307, 317, 318, 319, 320 và 322 của Bộ luật dân sự, hợp đồng thế chấp có hiệu lực

pháp luật, các bên phải tuân thủ theo thỏa thuận trong hợp đồng nên nếu vợ chồng ông V, bà T1 không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì vợ chồng ông V, bà T1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp vợ chồng ông V, bà T1 thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thì Ngân hàng phải có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông V, bà T1.

[6] Chi phí tố tụng: Trong quá trình tố tụng, Tòa án có tiến hành thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ để thu thập chứng cứ làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, có phát sinh chi phí tố tụng với số tiền là 400.000 đồng. Do toàn bộ yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên áp dụng Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự, vợ chồng ông V, bà T1 phải chịu chi phí tố tụng nêu trên, nguyên đơn đã dự nộp trước nên ông V, bà có nghĩa vụ hoàn lại cho nguyên đơn số tiền trên.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn vợ chồng ông V, bà T1 phải chịu 20.000.000 đồng + $(732.377.425 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng}) \times 4\% = 33.295.000$ đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 298, 307, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 357, 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q1;

Tuyên xử:

1. Buộc vợ chồng ông Lâm Hoàng V, bà Sơn Thị Mộng T1 trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q tổng số tiền 732.377.425 (bảy trăm ba mươi hai triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm hai mươi lăm) đồng, trong đó nợ gốc 313.186.578 (ba trăm mười ba triệu một trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi tám) đồng, nợ lãi 419.190.847 (bốn trăm mười chín triệu một trăm chín mươi nghìn tám trăm bốn mươi bảy) đồng.

Kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc theo mức lãi suất tương ứng của hợp đồng tín dụng số 182.15.751.2368025.ĐB ngày 02 tháng 6 năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2. Trường hợp vợ chồng ông Lâm Hoàng V, bà Sơn Thị Mộng T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì Ngân hàng Thương mại Cổ

phần Q có quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng các thửa đất số 0013, 0014, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp L, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: L 988363, do UBND huyện T cấp ngày 16 tháng 5 năm 1998 chính lý cho ông Lâm Hoàng V ngày 12 tháng 5 năm 2015 để thu hồi nợ. Trường hợp tại thời điểm phát mãi có tài sản gắn liền phát sinh thì cũng được xử lý để ngân hàng thu hồi nợ. Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì vợ chồng ông Lâm Hoàng V, bà Sơn Thị Mộng T1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp vợ chồng ông Lâm Hoàng V, bà Sơn Thị Mộng T1 thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: L 988363, do UBND huyện T cấp ngày 16 tháng 5 năm 1998 chính lý cho ông Lâm Hoàng V ngày 12 tháng 5 năm 2015 cho ông Lâm Hoàng V.

Trường hợp tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm nếu có người khác đang thực tế sống cùng hoặc đang quản lý sử dụng thì cũng phải có nghĩa vụ thi hành án.

3. Chi phí tố tụng: Buộc vợ chồng Lâm Hoàng V, bà Sơn Thị Mộng T1 có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng N1 số tiền 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng.

4. Về án phí: Vợ chồng ông Lâm Hoàng V, bà Sơn Thị Mộng T1 phải chịu 33.295.000 (ba mươi ba triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại cho Ngân hàng TMCP Q 12.429.000 (mười hai triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003674 ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư..

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hợp